

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 9 (PHẦN CUỐI)

PHẨM TÙNG ĐỊA DỨNG XUẤT

Phẩm này chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp chương nạn.

I. Vì sao có phẩm này có ba:

1. Bảy phẩm nói về học hành lưu thông, một phẩm trước nói các hạnh phải học, sáu phẩm dưới nêu người năng hành. Nói người năng hành chia làm bốn: một phẩm này chánh nêu người hiện tại đầy đủ an lạc hạnh lưu thông. Phẩm Tuổi thọ và Phân biệt công đức, nhân giải thích nghi đây mà lần lượt có. Phẩm Tùy Hỷ và Pháp Sư công đức nói rõ trợ giúp cho người chánh nương an lạc hạnh lưu thông, chứng đắc công đức; Phẩm Thường Bất Khinh nói tự thân Phật đến ở vị trụ nhân xa thực hành hạnh an lạc, hành nhẫn nhục v.v... lưu thông kinh này. Nay đắc Quả Phật khuyên các chúng sanh nên siêng năng tu học cho nên có phẩm này.

2. hai phẩm nói hành Nhất thừa, trong phẩm trước nói hạnh sở hành, phẩm này nêu nhân năng hành, cho nên có phẩm này.

3. Luận nói bảy thứ là thị hiện giáo hóa chúng sanh vô thượng cho nên từ đất vọt hiện ra vô lượng vị đại Bồ-tát. Trong đây nói rõ Đức Phật đã từng giáo hóa vô lượng Bồ-tát thực hành bốn hạnh này. Từ đất hiện lên trì kinh khuyên các chúng sanh vì sao không học, nên có phẩm này.

II. Giải thích tên phẩm: Dũng là vọt lên, xuất là hiển hiện, từ đất vọt lên mà hiển hiện gọi là phẩm Tùng địa Dũng xuất. Dũng là như

nước vọt lên nên gọi là dững là vọt nhảy.

III. Giải đáp chương nạn: Vì sao không nói từ bên đến mà nói từ đất vọt lên? Đáp: Y bốn hạnh để trì kinh, vượt ngoài đất sanh tử. Lại nêu rõ không lìa cõi này Phật từng hóa đã đã vượt địa vị sanh tử nên không nói từ bên đến mà nói từ đất vọt lên.

- Kinh: “Bấy giờ các Bồ-tát ở phương khác cho đến mà nói rộng”.

- Tán: Trong phẩm này văn có bốn:

1. Phương khác thỉnh trì.
2. Như-lai không hứa.
3. Phương khác vọt lên.
4. Bồ-tát sanh nghi. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Phật bảo cho đến nói rộng kinh này”.

- Tán: Như-lai không hứa có hai: Trước Phật ngăn thôi, sau nói rõ. Lại nói rất nhiều nên nói sáu muôn, thật chẳng phải chỉ như vậy, hiển Phật hóa công. Ngăn thôi người khác, không hứa, dù khiến người khác hộ cũng có lỗi gì!

- Kinh: “Lúc Phật nói lời đó cho đến đồng thời vọt ra.

- Tán: Đây từ đất vọt ra có tám thứ:

1. Từ đất vọt ra.
2. Bay lên hư không khen ngợi lễ bái.
3. Nêu thần lực.
4. Chúng cùng thấy.
5. Đạo Sư thăm hỏi.
6. Thế tôn ủy dụ đáp.
7. bốn vị tùy hỷ.
8. Như-lai khen ngợi.

Văn đầu chia làm năm:

1. Đất nứt.
2. Thánh vọt hiện.
3. Tướng tốt.
4. Trụ xứ.
5. Chúng quyến thuộc.

Đây là hai phần đầu tiêu biểu phá sanh tử. Đất nứt hiển đến Bồ-đề nên vọt hiện ra.

- Kinh: “Các vị Bồ-tát đó cho đến trụ giữa hư không”.

- Tán: Đây là tướng tốt và trú xứ, hành an lạc hạnh đắc quả, tượng hảo chứng chân tánh mà đắc Nhất thừa nên trụ giữa hư không.

- Kinh: “Các vị Bồ-tát đó cho đến chẳng có thể biết được”.

- Tán: Đây nêu chúng quyển thuộc có ba: 1. Lý do. 2. Liệt số. 3.

Kết.

Liệt số có tám: 1. Hằng hà sa. 2. Phần hằng sa. 3. Na do tha. 4. Muôn. 5. Ngàn. 6. Trăm. 7. Chục. 8. Một.

- Kinh: “Các vị Bồ-tát đó cho đến hai đấng Thế tôn”.

- Tán: Bay lên hư không khen ngợi lễ bái có ba:

1. Đến tháp.

2. Lễ dưới chân.

3. Cung kính khen ngợi.

- Kinh: “Các vị Bồ-tát đó cho đến cho là như nửa ngày”.

- Tán: Thần lực của Phật có ba:

1. Khen ngợi thời gian dài.

2. Thọ nhận cũng lâu.

3. Rút ngắn thời gian.

Luận này nói Kinh này nói kiếp thời gian ngày đêm năm tháng; nay dùng ngày đêm hợp số không phé bỏ hai mươi lăm ngày thành năm mươi tiểu kiếp, hoặc lại năm mươi ngày, năm mươi tháng và năm, khen ngợi đức càng sâu thời gian dài có thể rút ngắn hết, thọ nhận khen ngợi thần lực cũng đồng, khen ngợi thời gian thần lực biến bốn tâm kia, thần thông của bậc Thánh có thể kéo dài, rút ngắn quang cảnh, chúng sanh ái pháp rồi thì quên mệt nhọc, hưởng chỉ có bậc Thánh ngầm giúp sao có thể liên sanh chán mỗi. Cho nên, bốn chúng cho là như bữa ăn, pháp thật nuôi dưỡng giữ gìn, thần thông chế ngự cho nên trải qua nhiều kiếp năm tháng mạng không thiếu.

- Kinh: “Bấy giờ bốn chúng cho đến cõi nước hư không”.

- Tán: Bốn chúng mọi người đều thấy.

- Kinh: “Trong chúng Bồ-tát đó cho đến xương đạo Sư”.

- Tán: Năm đạo Sư thăm hỏi có bốn:

1. Liệt danh.

2. Đức hạnh.

3. Hỏi thẳng.

4. Kệ hỏi.

Đây là hai phần đầu. Hạnh cao đức rộng lớn lia ác tiến thiện nên tên gọi có bốn loại.

- Kinh: “Ở trước đại chúng cho đến sanh mỗi nhọc chẳng?”.

- Tán: Ba là hỏi thẳng, bốn là kệ hỏi.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến vào trong trí tuệ Phật”.

- Tán: Thế tôn an ủi đáp, có hai: Nêu và giải thích. Trong giải thích có ba:

1. Thấy đối với các Đức Phật gieo trồng cội lành.
2. Tức liền thọ hóa.

3. Còn xa sự hội nhập cũng được theo ban đầu, tuy không theo cũng theo.

Hai phần đầu hai là khen ngợi Bồ-tát, một phần sau là nói Thanh-văn, hoặc hai phần đầu nói hội xa, một sau nói hưởng về vắng lặng. Do không ngu đối với pháp nên nhập hiểu trí tuệ Phật chẳng phải nhập chứng.

- Kinh: “Bấy giờ các Đại Bồ-tát cho đến chúng con đều tùy hỷ”.

- Tán: Nêu bốn người tùy hỷ.

- Kinh: “Khi đó Đức Thế tôn cho đến phát tâm tùy hỷ”

- Tán: Nêu Như-lai khen ngợi.

- Kinh: “Bấy giờ ngài Di-lặc cho đến thăm hỏi đức Như-lai.

- Tán: Đoạn thứ tư nói Bồ-tát sanh nghi có tám:

1. Tâm niệm.
2. Giảng nói.
3. Người khác hỏi.
4. Phụ đáp.
5. Khen ngợi hứa.
6. Chính đáp.
7. Chúng suy nghĩ.
8. Trình bày thỉnh.

Đây là phần đầu.

- Kinh: “Lúc đó ngài Di-lặc cho đến nguyện Đấng Lương Túc nói”.

- Tán: Thứ hai: Giảng nói có mười chín hàng rưỡi tụng chia làm ba:

1. một hàng tụng tổng trình bày nghi thỉnh.
2. mười sáu hàng rưỡi tụng thỉnh việc nghi.
3. hai hàng trình bày ý chúng nghi.

Đây là một hàng đầu.

- Kinh: “Là từ nơi nào đến cho đến là từ chốn nào đến”.

- Tán: Mười sáu hàng rưỡi tụng việc nghi chia làm năm: hai hàng tụng nơi đến, chín hàng tụng số đến, hai hàng tụng hạnh hóa, hai hàng rưỡi tụng tên nước, một hàng tụng không biết. Đây là hai hàng đầu có ba:

1. Lý do.
2. Khen ngợi đức.
3. Nơi đến.
 - Kinh: “Mỗi mỗi các Bồ-tát cho đến còn chẳng thể biết hết”.
 - Tán: Chín hàng tụng số đến, có ba: một hàng tụng chung, bảy hàng tụng riêng, một hàng tụng kết.
 - Kinh: “Các vị oai đức lớn cho đến tụ tập Phật đạo nào”.
 - Tán: Hai hàng tụng hạnh hóa, có năm câu hỏi.
 - Kinh: “Các Bồ-tát như thế cho đến chưa hề thấy việc này”.
 - Tán: Hai hàng rưới tụng về tên nước.
 - Kinh: “Con ở trong chúng này... mong nói nhân duyên đó”.
 - Tán: Một hàng tụng nói về không biết.
 - Kinh: “Nay trong đại hội này cho đến cúi mong quyết tâm nghi.”
 - Tán: Hai hàng tụng trình bày ý chúng nghi.
 - Kinh: “Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho đến từ chỗ nào mà đến”.
 - Tán: Thứ ba: Là chúng khác hỏi.
 - Kinh: “Lúc ấy các Đức Phật cho đến do đây mà được nghe”.
 - Tán: Đây thứ tư là phụ đáp.
 - Kinh: “Bấy giờ đức Thích-ca việc lớn như thế”.
 - Tán: Đây là thứ năm khen ngợi hứa. Có hai: Trước khen sau hứa. Đây là khen. A-thị-đa Hán dịch là Vô-năng-thắng là tên ngài Di-lặc, A-dật-đa-là lằm.
 - Kinh: “Các thầy nên chung lòng cho đến thế mạnh lớn của các Đức Phật”.
 - Tán: Dưới hứa có hai: Một là: Văn xuôi nói mặc giáp tinh tấn, khải là binh giáp, khiếp tâm mạnh mẽ vui ưa nghe pháp, tâm không lui sụt gọi là ý vững chắc, vì nghĩa sâu xa sợ kia nghi lui sụt. Đây nói bốn lực:
 1. Tuệ lực: Phẩm Tuổi thọ Như-lai bí mật pháp báo hai thân và trí tánh tướng.
 2. Thần thông lực: Tức thần thông Phật hóa thân.
 3. Phấn tấn lực: là quyết định tạo tác, sự tử sắp làm việc gì thì, trước thu lòng mình lại, thoát duỗi thân ra nhanh chóng, quyết định làm nay ta quyết định nói tự sở tác việc mẫu nhiệm của ba thân.
 4. Oai mãnh lực: Chánh tác sở tác chỉ bày có uy chế phục dẹp phá, dẹp phá những người không có lòng tin, hoặc do trí tuệ nên mạnh

nhanh, do thần thông nên oai mãnh; hoặc trí tuệ là pháp báo hai thân. Dưới hóa thân là thần biến, ký tâm, giáo giới. Ba luân công dụng như thứ lớp.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến các thầy một lòng nghe”.

- Tán: hai là: Kệ tụng. Gồm hai hàng tụng đầu khuyên chớ sanh nghi hứa sẽ nói, hai hàng sau tụng Đức Phật răn dạy lắng lòng nghe lời dạy thật.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến khiến phát đạo tâm”.

- Tán: Dưới thứ sáu chánh đáp có ba: Trước bảo ta hóa, kể nói trụ hạnh, sau cuối một hàng tụng kết khuyên sanh tin. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Các vị Bồ-tát đó cho đến nghĩ tưởng chân chánh”.

- Tán: Dưới là nói trụ hạnh, có sáu, đây có hai:

1. Trụ xứ.

2. Giải kinh.

Thông minh văn tuệ, tư duy tư tuệ, tức niệm tu tuệ.

- Kinh: “A-dật-đa cho đến cầu tuệ vô thượng”.

- Tán: Đây có bốn:

1. Ưu vắng lặng.

2. Tinh tấn.

3. Ưu trí sâu.

4. Cầu tuệ vô thượng.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến khiến phát đại đạo tâm”.

- Tán: Kệ tụng khuyên sanh tin bảy hàng rưỡi tụng trước chia làm năm. Đây là một hàng rưỡi tụng nói về Phật hóa.

- Kinh: “Chúng đó là con ta cho đến vì để cầu Phật đạo”.

- Tán: một hàng rưỡi tụng ưa vắng lặng, một hàng sau tụng tinh tấn. Không vắng lặng là ồn ào.

- Kinh: “Tại thế giới ta bà... đều sẽ được thành Phật.”

- Tán: một hàng rưỡi tụng trụ xứ và trí tuệ sâu, hai hàng sau tụng kết thành ta hóa. Ở nơi thành Già-da này, xưa đến hóa, chẳng phải nay hiện tại Già-da, như nói thường ở núi Linh nói, chẳng phải nói luôn ở núi, mà là nói núi ấy thường ở thành đây cũng vậy.

- Kinh: “Ta nay nói lời thật cho đến giáo hóa các chúng đó”.

- Tán: Kết khuyên sanh tin.

- Kinh: “Lúc bấy giờ ngài Di-lặc cho đến chánh đẳng giác”.

- Tán: Đây thứ bảy chúng nghĩ.

- Kinh: “Liền bạch Phật rằng cho đến hơn bốn mươi năm”.

- Tán: Thứ tám trình bày thỉnh, có hai: Một là văn xuôi có ba:

1. Nêu sự khó.
2. Nêu dụ khó.
3. Chánh trình bày khó tin.

Nêu sự khó có hai:

1. Nêu nơi chốn năm tháng thành đạo.
2. Chánh trình bày việc khó.

Đây là phần đầu. Thành Già-da rất nguy hiểm vững chắc ít người ở, chỉ có Bà-la-môn đều có ngàn nhà, đây đều là dòng họ vị tiên, chẳng có việc tai biến, vua chúa quý trọng tôn kính, dân trong thành rất giỏi mọi người các nước đều biết, tức là cảnh trong nước Ma-kiệt-đà. Đức Phật ngồi dưới gốc cây Bồ-đề tiếp cận rất gần phía nam cho nên nói không xa. Lại nói Già-da là nơi Phật đản sanh là thủ đô của nước Ca-duy-la, Đức Phật thành đạo dưới gốc cây Bồ-đề nước Ma-kiệt-đà mà, đều ở giữa Thiên-trúc cách nhau rất gần cho nên nói không xa. Từ khi đắc đạo Bồ-đề đến nay mới hơn bốn mươi năm: Trong nghĩa đây lược có hai nói:

1. Có các bộ nói: Mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Kinh Bốn khởi Nhân Quả nói: mười chín tuổi xuất gia, Kinh Tư Duy vô tướng Tam-muội nói: ba mươi tuổi thành đạo. Luận Trí độ nói: Khi Đức Phật sắp Niết-bàn bảo Tri-bạt-đà-la: Năm ta mười chín tuổi xuất gia rồi cầu Phật đạo, xuất gia đến nay hơn năm mươi năm, không nói lúc thành đạo, thật Phật thọ tám mươi năm. Đây có nói giải: mười chín tuổi xuất gia sau năm năm theo vị tiên hành lạc hạnh, sáu năm hành khổ hạnh, ba mươi tuổi thành đạo. Cho nên bảo Tu-bạt-đà-la là hơn năm mươi năm. Trong Luận Trí độ dùng nghĩa đây tức y đây nói. Nay nói thành đạo hơn bốn mươi năm là vừa bảy mươi năm.

2. Cũng có các bộ và trong Đại thừa nói: hai mươi chín tuổi xuất gia ba mươi lăm tuổi thành đạo. Tăng Nhất A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm, Kinh Xuất Diệu, Luận Hòa-tu-mật đều nói hai mươi chín tuổi xuất gia. Kinh Bi Hoa. Luận Thiện Kiến đều nói ba mươi lăm tuổi thành đạo. Kinh Bốn khởi nói: Đức Phật muốn xuất gia nên chỉ trong bụng Da-du nói: sau sáu năm người sẽ sanh con trai, liền sau sanh ra La-hầu-la. Đức Phật xuất gia sáu năm khổ hạnh đê mê Thành đạo La-hầu-la mới sanh. Chỉ nói La-hầu-la sáu năm ở trong thai không nói mười một năm ở trong bụng mẹ, cho nên biết hai mươi chín tuổi xuất gia ba mươi lăm tuổi thành đạo, trong sáu năm gồm cả Tu-lạc hạnh. Nơi chỗ A-lam-ca-lam ngồi tu đắc Vô sở hữu xứ định, nơi chỗ Uất-đầu-lam-tử học đắc Phi tướng xứ định. Pháp Sư Bồ-đề-lưu-chi dẫn Kinh Kệ nói: tám năm làm

trẻ con, bảy năm làm đồng tử, bốn năm học ngũ minh, mười năm thọ ngũ dục, sáu năm hành khổ hạnh là ba mươi lăm tuổi thành đạo. Trong bốn mươi lăm năm giáo hóa chúng sanh. Chân Đế Tam Tạng và Hòa-thượng Tây-vực ký đều nói hai mươi chín tuổi xuất gia ba mươi lăm tuổi thành đạo. Kinh Kim Quang Minh nói: Phật tuổi thọ tám mươi năm. Nay nói thành đạo hơn bốn mươi năm tức năm bảy mươi tuổi hoặc bảy mươi lăm đều tính. Năm đầu thành đạo hợp thành bốn mươi một năm gọi là hơn bốn mươi năm.

- Kinh: “Thế tôn! Thế nào cho đến chánh đẳng giác”.

- Tán: Dưới chánh trình bày việc khó, có hai: Trước trình bày ba việc, sau kết khó tin. Trình bày ba việc:

1. Thời gian ngắn làm việc lớn.
2. Thời gian ngắn chúng nhiều.
3. Thời gian ngắn đức cao siêu.

Đây là nói việc đầu, đã đến địa vị cao thượng sẽ thành Bồ-đề gọi là việc lớn.

- Kinh: “Thế tôn cho đến chẳng đặng ngắn mé”.

- Tán: Thời gian ngắn mà chúng nhiều. Trước nói thời gian ngắn, xuyên suốt cả hai văn dưới.

- Kinh: “Chúng đó từ đâu nhả lại cho đến thường tu phạm hạnh”.

- Tán: Thời gian ngắn đức thù thắng. Quán từ lâu đến nay gặp duyên trông cội lành, chẳng phải thời gian ngắn tu hành.

- Kinh: “Thế tôn cho đến đời rất khó tin”.

- Tán: Kết thành khó tin, do ba việc này nên khó tin Phật hóa.

- Kinh: “Thí như có người cho đến việc đó khó tin”.

- Tán: Thứ hai nêu dụ khó. Sắc đẹp dụ tướng tốt Phật trang nghiêm, tóc đen tiêu biểu Đức Phật dù tám mươi tuổi mà không có tướng già, trong tất cả thời ưa quán sát tất cả nơi chốn xưa. Đại Bát-nhã nói tám mươi tướng tốt trong đó nói: thường trẻ không già ưa xem xét nơi chốn cũ. Hai mươi lăm tuổi là tiêu biểu Đức Phật tuy xuất vượt sanh tử mà thị hiện nơi hai mươi lăm cõi. Vì trên tiêu biểu Phật thành đạo rất gần. Giả như tám mươi tuổi chỉ bằng hai mươi lăm tuổi, chỉ người một trăm tuổi tiêu biểu các Bồ-tát được hóa độ có đức cao địa vị xa trăm phước trang nghiêm, nói ta sanh ta nuôi dưỡng khiến cho họ đạo thêm lớn thì việc ấy khó tin.

- Kinh: “Đức Phật cũng như vậy cho đến rất là ít có”.

- Tán: Thứ ba chính trình bày nghi có ba: Trước nêu việc nghi, tiếp “Ngày nay cho đến” chánh nêu ý nghi. Sau “Chúng con dù cho

đến” trình bày lý do nghi. Đây là phần đầu có hai: Nêu thời gian ngắn thành Phật, và nêu lại Bồ-tát có bảy đức rất lớn, bảy đức của Bồ-tát: 1. Tu thời gian dài. 2. Hết lòng tinh tấn. 3. Định tự tại. 4. Đắc thần thông. 5. Tu phạm hạnh lâu dài. 6. Năng huân tập pháp. 7. Khéo hỏi đáp. Cho nên là báu quý trong loài người.

- Kinh: “Ngày nay Đức Thế tôn cho đến việc công đức lớn này”.

- Tán: Đây chính trình bày ý nghi.

- Kinh: “Chúng con dù là tin cho đến cũng không sanh nghi”. Tán: Đây là trình bày lý do nghi, có ba: Trước nói tự có thể thông suốt, kế là trình người khác còn mê hoặc, sau chính thỉnh dứt trừ lòng nghi. Dù tự không nghi mà thị hiện tướng không hiểu, để thỉnh trừ lòng nghi của chúng con. Tin tùy nghi Phật nói tin thành tựu thông suốt, Đức Phật biết, chứng thành tựu, nên lời Phật nói không luống dối không lầm lẫn.

- Kinh: “Bấy giờ ngài Di-lặc cho đến phân biệt nói như thật”.

- Tán: Hai là kệ tụng: Mười bốn hàng tụng chia làm ba: năm hàng đầu tụng nêu việc khó, kế hai hàng tụng dụ khó tin, bảy hàng sau tụng trình bày nghi thỉnh. Năm hàng đầu có ba: một hàng tụng xuất gia thời gian gần, ba hàng tụng Bồ-tát đức cao khó tin. Một hàng tụng đại chúng thỉnh trừ nghi.

- Kinh: “Thí như người trẻ mạnh cho đến mọi người đều chẳng tin”.

- Tán: Hai hàng tụng dụ khó tin. Tóc bạc mặt nhăn: Đây cùng văn xuôi xen nhau làm rõ, nói cha sắc đẹp tóc đen là nêu đủ tướng xem xét xưa, nói con tóc bạc mặt nhăn là Tu-lâu tướng trạng có thiếu sót. Tóc bạc là tiêu biểu có thánh đạo tu đã lâu, mặt nhăn là hình tượng tướng tốt chưa đủ.

- Kinh: “Thế tôn cũng như vậy cho đến trụ hư không phương dưới”.

- Tán: Bảy hàng tụng trình bày nghi thỉnh chia làm hai: bốn hàng tụng nêu việc nghi, sau ba hàng tụng chánh trình bày nghi thỉnh. Bốn hàng đầu có ba: Nửa hàng tụng Phật thành đạo gần, kế ba hàng tụng khen ngợi Phật thành đạo có mười đức, sau nửa hàng tụng nói về trú xứ.

- Kinh: “Chúng con từ Phật nghe cho đến mà trụ bậc bất thối”.

- Tán: Ba hàng sau chánh trình bày nghi thỉnh, có bốn: Nửa hàng tụng tự không nghi, kế nửa hàng tụng người khác còn mê hoặc, kế một hàng tụng lỗi lầm nghi, sau một hàng tụng chính trình là bày thỉnh.
